

THÔNG BÁO
Về việc báo giá vật tư y tế

Bệnh viện Mắt chuẩn bị triển khai mua sắm vật tư y tế năm 2021. Do đó, Bệnh viện kính thông báo đến các công ty có năng lực cung cấp gửi bảng báo giá về bệnh viện trước 16 giờ 30 ngày 28/5/2021 tại Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Mắt (Lầu 5 – Khu B) – 280 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quý công ty vui lòng đính kèm trong bản báo giá tài liệu như sau:

STT	Nội dung	Có	Không có	Ghi chú
1	Báo giá (trong đó có nêu rõ phân nhóm trang thiết bị y tế theo thông tư 14). Giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các khoản chi phí khác			
2	Phiếu tiếp nhận đủ điều kiện mua bán, sản xuất trang thiết bị y tế			
3	Giấy ủy quyền			
4	Phiếu phân loại trang thiết bị y tế A hoặc B hoặc C hoặc D (bao gồm cả phiếu tiếp nhận đối với phân loại A hoặc sổ lưu hành sản phẩm đối với phân loại B, C, D)			
5	Giấy chứng nhận lưu hành tự do và giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485.			
6	Giấy chứng nhận chất lượng CE hoặc FDA			
7	Bảng mô tả tính năng kỹ thuật của sản phẩm			
8	Quyết định trúng thầu trong vòng 12 tháng trở lại đây			
9	Tài liệu chứng minh đã kê khai trên web báo giá của BHYT			
10	Giấy phép nhập khẩu			
11	Tờ khai hải quan có giá hoặc bản kê khai giá chi tiết			
12	Hóa đơn đã cung cấp trong vòng 30 ngày tính đến ngày có báo giá hoặc cam kết giá bán tại thị trường tại thời điểm báo			

STT	Nội dung	Có	Không có	Ghi chú
	giá là thấp nhất			

Quý công ty vui lòng ghi rõ tài liệu nào có, tài liệu nào không có và sắp xếp theo thứ tự như trên.

Danh sách hàng hóa xin báo giá (đính kèm):

+ **Ghi chú:** Tất cả các hàng hóa trên, thông số kỹ thuật mang tính chất tham khảo. Quý công ty được quyền góp ý nếu nhận thấy thông số kỹ thuật trên chưa đầy đủ hoặc có tính chỉ định hoặc quý công ty có tính năng kỹ thuật tốt hơn, chất lượng tốt hơn quý công ty vui lòng góp ý về bệnh viện để bệnh viện hoàn thiện việc xây dựng tính năng kỹ thuật để tiến hành thực hiện đấu thầu sớm nhất.

Để hỗ trợ Bệnh viện trong việc tổng hợp, quý công ty vui lòng nộp 01 USB có chứa file mềm của bảng chào giá và tính năng kỹ thuật của hàng hóa.

Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ Phòng Vật tư, trang thiết bị y tế - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại: (028) 39325374 – (028) 39326732 – 0903 942 264 – Nhân viên phụ trách: Chị Thủy.

Lưu ý: Tất cả các tài liệu có ký tên đóng dấu xác nhận của quý công ty. Tất cả các tài liệu sẽ được để trong 01 phòng bì lớn thể hiện rõ thông tin công ty và người phụ trách. Báo giá có giá trị sử dụng trong vòng 06 tháng kể từ ngày 28/5/2021.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trí Dũng

DANH MỤC VẬT TƯ CHÀO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số 254/TB-BVM ngày 19 tháng 05 năm 2021)

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
1	A002	Silicone lỏng chứa Polymethylsiloxane 10 ml và ≥ 1000 cst	- Chất liệu: silicone dạng lỏng. Trong dầu Silicone lỏng chứa thành phần Polydimethylsiloxane - Dung tích: 10 ml $\pm$ 0,1ml - Độ trơn: ≥ 1000 cst - Đóng gói tiết trùng, sử dụng một lần.	Hộp	1.125
2	A008	Băng chỉ thị nhiệt	Sử dụng cho nồi hấp tiết trùng 121 độ C (Nồi hấp trọng lực) và 132 - 134 độ C (Máy hấp có hút chân không). Các gạch chỉ thị chuyển màu Nâu đậm/đen sau khi tiếp xúc với hơi nước. Tiêu chuẩn áp dụng: EN ISO 11140-1, Type 1 Kích thước: L 56mm x W 18 mm Đóng gói: 48 cuộn/hộp Lưu trữ: 10 - 38 độ C, Độ ẩm 10 - 60% tránh trực tiếp ánh sáng mặt trời.	Cuộn	153
3	A010	Băng dán mi 10x12cm		Cái	2.700
4	A011	Băng đeo tay bệnh nhân	Vòng đeo tay. Chất liệu: giấy, keo vĩnh viễn. Kích thước: 279.4 x 25mm $\pm$ 5%, ≥ 200 vòng/cuộn.	Cuộn	400
5	A020	Bình gas chứa khí Perfluoropropane (C3F8) tương thích máy mổ vitrectomy Accurus	Khí C3F8 125g - Điểm sôi là -36,7°C (-34,1°F) $\pm$ 0,01°C - Áp suất trong bình ở 20°C là 100 psig (pound/inch vuông) $\pm$ 0,01psig - Bao gồm: Khí perfluoropropane (Octafluoropropane) 99,8% $\pm$ 0,01%.	Bình	15
6	A021	Bình gas chứa khí Sulfur SF6 tương thích máy mổ vitrectomy Accurus	Khí SF6 125g - Nhiệt độ sôi là -63,9°C (-83°F) $\pm$ 0,01°C, áp suất trong bình ở 20°C là 320 psig (pound/inch vuông) $\pm$ 0,01 psig. - Bao gồm: sulfur hexafluoride 99,99% (tối thiểu) $\pm$ 0,01%.	Bình	6
7	A029	Bộ phin lọc khí loại ba chức năng dùng cho người lớn	Bộ Phin lọc khí, loại ba chức năng, dùng cho người lớn Bộ lọc khuẩn/ virus kết hợp trao đổi ẩm với màng lọc Hydrophobic non-woven Filter 0.5 micromet polypropylene, 1 lớp trao đổi giữ ẩm, giữ nhiệt làm bằng sợi thủy tinh bền với giấy ở độ nén cao, tỷ lệ lọc khuẩn đạt trên 99.999%, có cổng hút, cổng đo CO2, phù hợp với kết nối 22mmF-15mmM/ 22mmM-15mmF. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxyde.	Cái	5.600
8	A030	Bộ total - Cassette - đầu cắt 23G dùng cho máy cắt dịch kính	Dụng cụ tương thích máy Stellaris Elite - Duy trì áp lực nội nhãn bằng khí nén - Đầu cắt dịch kính: 1 cái + Chiều dài kim: 3,294 cm $\pm$ 0,01cm - Đầu đèn góc rộng: 1 cái + Chiều dài dây đèn: 213,36 cm $\pm$ 0,01cm + Góc chiếu sáng: 130 độ $\pm$ 2 độ - Trocar: 3 cái + Chiều dài: 7,37 cm $\pm$ 0,01cm - Đinh đẩy ống (Plug): 3 cái + Chiều dài: 4,902 mm $\pm$ 0,01mm + Đường kính: 0,635 mm $\pm$ 0,01mm - Kim mổ: 1 cái + Chiều dài: 4,55 cm $\pm$ 0,01cm - Ống nối: 1 cái + Chiều dài 2,388 cm $\pm$ 0,01cm - Dây hút thứ 2: 1 cái + Chiều dài: 210,82 cm $\pm$ 0,01cm	Cái	600
9	A038	Bóng đèn dùng cho máy cắt dịch kính	Thời gian sử dụng: 400 giờ $\pm$ 1 giờ - Độ sáng: 25 lumens $\pm$ 2 lumens với đầu 20G, tương thích dòng máy Stellaris Elite	Cái	5

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
10	A049	Cassette tương thích máy Visalis 500	- Thiết bị điều chỉnh dịch tưới bằng 2 hình thức: trọng lực và điều chỉnh áp lực khí - Điều chỉnh áp lực hút bằng cả 2 hệ thống bơm nhu động và bơm venturi. - Dùng được cho mô bán phần trước và bán phần sau. - Tích hợp hệ thống chống sục tiền phòng - Dùng 1 lần, được tiệt trùng bằng ethylene oxide	Cái	468
11	A050	Catheter-mouth	Dây nối bóng ambu	Cái	1.000
12	A056	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 7.0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 7/0, dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8c, dài ≥ 13 mm.	Sợi	5.444
13	A057	Chỉ không tan tự nhiên 4-0	Chỉ không tan tự nhiên 4.0 chiều dài chỉ ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c hoặc 135 độ, chiều dài kim ≥ 18 mm	Tép	2.838
14	A067	Chỉ tan đa sợi tổng hợp polyglactin 910 số 8-0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 8/0 (Copolymer gồm 90% glycolide và 10% L-lactide), dài ≥ 30 cm, 2 kim hình thang bằng thép 302 phủ silicon, dài 6 mm, 3/8c	Sợi	16.038
15	A068	Cồn 90 độ	Thành phần, hàm lượng hoạt chất: 90% v/v Ethanol chai 1 lít	Lít	18.656
16	A071	Dao mổ 15°	Dao thẳng, góc nhọn mũi dao ≥ 15 độ và ≤ 20 độ, chất liệu thép không gỉ sợi cứng, lưỡi cắt được mài ngang, bảo đảm vô trùng	Cái	26.150
17	A072	Dao mổ 2.2 mm	Dao tạo đường hầm trong mô phaco, chất liệu thép không gỉ sợi cứng, lưỡi cắt được mài ngang, kích thước: ≥ 2.2 mm và ≤ 2.3 mm, bảo đảm vô trùng	Cái	10.644
18	A073	Dao mổ 3.0 mm	Dao tạo đường hầm trong mô phaco, chất liệu thép không gỉ sợi cứng, lưỡi cắt được mài ngang, kích thước: ≥ 3.0 mm và ≤ 3.1 mm, bảo đảm vô trùng	Cái	19.780
19	A074	Dao mổ bằng thép không gỉ số 11	- Chất liệu bằng thép không gỉ. - Kích thước: chiều rộng lưỡi dao: từ 5.3mm đến 6.2mm; độ dài lưỡi vát: từ 19mm đến 19,5mm; chiều dài tổng lưỡi: từ 39,1mm đến 41,5mm.	Cái	33.110
20	A076	Dao MVR 20G	Lưỡi vát 2 mặt (Bi-bevel), 20G, bảo đảm vô trùng	Cái	200
21	A080	Đầu cắt dịch kính tương thích máy Visalis 500	Đầu cắt cao tốc bằng khí nén - Kích thước đầu cắt dịch kính: 20G tương đương từ 2,6mm đến 2,8mm - Dùng được với tốc độ từ 60 đến 1600 nhát cắt/ phút, khí nén từ nguồn bên ngoài từ 5 bar đến 8 bar, áp suất là 220 kPa (2.2 bar) ± 5 kPa - Chất liệu: đầu bọc bằng silicon	Cái	156
22	A083	Dây bơm silicon của máy mổ đáy mắt Constellation (Bộ trao đổi dầu máy Constellation)	Dây bơm silicon của máy mổ đáy mắt Constellation (Bộ trao đổi dầu máy Constellation)	Cái	50
23	A085	Dây hút chân không để cố định mắt khi mổ dùng trong máy cắt vạt giác mạc Microkeratome	Đồng bộ với máy cắt giác mạc trong phẫu thuật tạo vạt giác mạc. Tạo lực hút tốt Hoặc đặc tính kỹ thuật tương đương là tương thích với máy cắt vạt giác mạc Microkeratome	Cái	450
24	A087	Dây laser các loại (23G, 25G)	Dây laser các loại (23G, 25G)	Cái	900
25	A090	Dây quang đông thể mi (CPC) tương thích với máy Supra 810	Chất liệu: - Tay cầm: hợp chất asetan Delrin. - Đầu dây: hợp kim và thép không gỉ - Sợi quang: sợi thủy tinh Kích thước: - Tay cầm: 2.500 inch $\pm 0,1$ inch - Đầu: 0.95 inch $\pm 0,1$ inch - Chiều dài tay cầm và đầu: ≥ 3.450 inch - Chiều dài dây: 228-229 cm	Dây	200
26	A101	Dung dịch khử khuẩn bề mặt bằng đường không khí	Thành phần: Didecylidimethylammonium chloride, polyhexamethylene biguanide hydrochloride, màu và hương thơm. Phổ diệt khuẩn: Diệt khuẩn: EN 1040, pr EN 14561. Diệt nấm: EN 1275 (Candida albicans), pr EN 14562 (A. fumigatus).	Bình	134

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
27	A102	Dung dịch khử khuẩn pha sẵn 0,55% Ortho- Phthalaldehyde	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde - Dung dịch pha sẵn khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội khoa, ngoại khoa, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. Không mùi, PH=7. Phổ diệt khuẩn rộng: diệt khuẩn, nấm, virus, Mycobacteria trong 5 phút. Tái sử dụng dung dịch trong chậu ngâm: 14 ngày (kiểm tra nồng độ dung dịch ngâm bằng test thử)	Can	80
28	A106	Dung dịch rửa kính áp tròng cứng	- Thể tích 360ml ± 5% - Thành phần: polyhexamethylene, poloxamer, hypromellose, EDTA	Chai	20
29	A107	Dung dịch rửa kính áp tròng mềm	- Thể tích 360ml ± 5% - Thành phần: HPMC, poloxamer, PHMB	Chai	20
30	A111	Dung dịch tiền khử khuẩn và tẩy rửa dụng cụ phẫu thuật	- Thành phần: 14% Quaternary ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate - Dung dịch gồm ba enzyme: amylase, lipase, protease, có PH trung tính: tương thích với dụng cụ kim loại. Phổ diệt khuẩn (bao gồm các dòng đa kháng MRSA, ESBL, VRE).	Chai	327
31	A114	Gạc tẩm cồn 3x3x2 cm	Kích thước gạc: 3 x 3 cm x 2 lớp Tẩm cồn IsoPropyl 70% Dùng sát trùng ngoài da	Miếng	18.092
32	A116	Găng phẫu thuật tiết trùng không bột	Găng dài 285mm ± 5%, màu nâu. Protein trong găng ở dưới hay tại mức < 50µg/g. Cổ găng tay không cuộn bị Độ dày lòng bàn tay 0.19mm ± 0,5%, cổ tay 0.17mm ± 0,5%	Đôi	26.100
33	A132	Huyết áp điện tử	Công nghệ đo: dao động - Màn hình hiển thị LCD - Máy hiển thị tối thiểu: huyết áp tâm trương, huyết áp tâm thu, nhịp tim, trạng thái pin, mức bơm hơi, lỗi đo. - Có hai chế độ đo: menu (bằng tay) và tiện ích (tự động). - Đo nhịp tim: 40 - 200 nhịp / phút. - Dải đo huyết áp: + Huyết áp tâm thu: 60 - 250 mmHg + Huyết áp tâm trương: 40 - 200 mmHg - Phạm vi hiển thị huyết áp: 0 - 300 mmHg - Độ chính xác: + Huyết áp: ± 5mmHg + Nhịp tim: ± 5% - Kích thước bao đo: 12cm - 50cm - Có khả năng cài đặt áp suất bơm hơi: 4 mức, gồm: tự động, 220 mmHg, 250 mmHg, 280 mmHg - Tự động tắt máy khi không sử dụng khi dùng pin - Pin: + Tuổi thọ: 300 kết quả đo + Thời gian sạc đầy pin: 4 giờ	Bộ	17
34	A133	Huyết áp kế + ống nghe	Đo chính xác gồm: bao vải (50cm x 14,5cm ± 5%) + túi hơi, đồng hồ, quả bóp. Loại 1 dây dẫn, làm bằng chất liệu cao su, bộ phận khuếch đại âm thanh, làm bằng chất liệu Aluminum. Có 2 mặt nghe tim và phổi	Bộ	30
35	A134	Jackson Rees	Chất liệu: + Mặt bích của ống được làm bằng silicone + Ống được làm bằng thủy tinh PyrexTM - Chiều rộng lòng ống từ 3.5 mm đến 4.0 mm - Chiều dài từ 9 mm đến 22 mm - Qui cách đóng gói: 1 hộp/ cái - Đóng gói tiết trùng, sử dụng một lần. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2003 EN ISO 13485: 2012. EC. Free Sale	Bộ	604
36	A136	Kéo cắt 23G	- Có 16 đòn bẩy - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kích cỡ: 23G - Vô trùng - Độ cong: 40 độ	Cái	200

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
37	A140	Khăn phẫu thuật 60x60 cm	Kích thước: 60x60cm $\pm$ 5%. Chất liệu: vải Polypropylene không dệt. Đóng gói và tiết từng túi cái bằng Ethylene Oxyd, bao bì chỉ thị tiết trùng	Cái	5.000
38	A142	Khẩu trang N95	Dây đeo – Chất dẻo đàn hồi nhiệt dẻo Mũi Mũi – Nhôm Bọt mũi – Polyurethane Bộ lọc – Polypropylen Vỏ – Polyester Coverweb – Polyester Mặt nạ phòng độc này không chứa thành phần làm từ mùn cao su tự nhiên Cellulose	Cái	418
39	A146	Khoan giác mạc rời (khoan tay đủ số từ 1 mm - 11 mm)	Khoan giác mạc rời (khoan tay đủ số từ 1 mm - 11 mm)	Cái	156
40	A147	Kim 18Gx1/2	Kích cỡ kim: 18G, chiều dài: 1 1/2 inch $\pm$ 0,01 inch. Kim bằng thép không gỉ, góc vát 12°	Cái	45.000
41	A148	Kim cánh bướm 21	Kim cánh bướm 21	Cái	2.830
42	A158	Kim luồn có cánh, có cổng 22G, có cân quang	Kim luồn có cánh, có cổng, có cân quang số 22G. Thân kim thép không gỉ; thân ống cannula bằng PTFE; có 3-4 đường cân quang ngầm trong ống cannula; có cổng tiêm thuốc với van một chiều, đầu kim vát 3 mặt mài dũa góc xiên, sắc bén; đốc kim trong suốt để theo dõi lượng máu chảy ra; dài 33mm, dòng chảy: 61ml/ph, cánh kim có lỗ khâu cố định	Cái	6.810
43	A179	Lọ đựng nước tiểu	Lọ đựng nước tiểu	Lọ	7.000
44	A183	Mask gây mê các cỡ	Mask gây mê các cỡ	Cái	219
45	A184	Mask thanh quản các cỡ	Bằng nhựa PVC không độc hại. Bao gồm các size từ 1 đến 5	Cái	780
46	A185	Miếng áp Isak		Miếng	400
47	A186	Miếng dán điện cực	Miếng dán điện cực tim nền xốp. Kích thước: 3,7cm x 3,3cm $\pm$ 5%	Miếng	8.000
48	A187	Miếng độc sản hóc mắt	Miếng nâng sản hóc mắt. Chất liệu: bằng vật liệu sinh học Hydroxyapatite (HA). Kích thước: 30x25x3,5mm $\pm$ 0,1mm, độ xốp trong khoảng từ 300 μ m đến 500 μ m. Qui cách đóng gói: 1 hộp/ cái. Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần.	Cái	400
49	A190	Miếng vá sản ổ mắt titan dày 0.2 mm	Chất liệu titan, cỡ 85x50mm $\pm$ 0,01mm; dày 0.2mm $\pm$ 0,01mm; dùng với vít 1.5mm $\pm$ 0,01mm.	Cái	150
50	A191	Miếng vá sản ổ mắt titan dày 0.3 mm	Chất liệu titan, cỡ 1.5mm $\pm$ 0,01mm, dày 0.3mm $\pm$ 0,01mm, có 3 cánh nếp, mỗi cánh 4 lỗ dùng vít 1.5mm $\pm$ 0,01mm.	Cái	300
51	A193	Mực nhuộm bao	Chất liệu: Trypan Blue 0.06% $\pm$ 0,01%. Dung tích: 1ml $\pm$ 0,01ml	Lọ	4.900
52	A196	Nắp chặn kim luồn	Nắp chặn kim luồn	Cái	1.780
53	A198	Nhiệt ẩm kế	Nhiệt ẩm kế	Cái	11
54	A199	Nhiệt kế tủ lạnh	Nhiệt kế tủ lạnh	Cái	17
55	A200	Nhiệt kế y học đo thân nhiệt bệnh nhân	Nhiệt kế y học đo thân nhiệt bệnh nhân	Cái	53
56	A209	Ống cố định Jone Stoploss các số	Ống cố định Jone Stoploss các số	Cái	100
57	A210	Ống Foley 2 nhánh số 16	Ống Foley 2 nhánh số 16	Cái	10
58	A211	Ống nâng (dây máy thở)	Ống nâng (dây máy thở)		150
59	A215	Ống silicon nối lệ quản	- Chất liệu silicone. - Có kích thước: dài $\geq$ 40 mm, đường kính $\geq$ 0.64 mm - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần.	Cái	300
60	A216	Ống silicon nối lệ quản chấn thương dài $\geq$ 40 mm, đường kính $\geq$ 0.64 mm	Chất liệu silicone. Có kích thước: dài $\geq$ 40 mm, đường kính $\geq$ 0.64 mm. Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần.	Ống	1.620
61	A220	Pin dùng cho đèn soi bóng đồng tử	Pin dùng cho đèn soi bóng đồng tử	Cái	26
62	A221	Que nhuộm giác mạc	Que chứa Fluorescein Sodium tiệt trùng	Hộp/100	146

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
63	A223	Que thử đường huyết sử dụng theo máy (gồm que + kim lấy máu)	Điều kiện làm việc: +15 - 30 độ C Điều kiện bảo quản: +2 - 30 độ C Loại mẫu phẩm: Máu mao mạch Loại men Glucose oxidase (GOD) Độ chính xác: 99%	Cái	10.900
64	A231	Test hóa học kiểm soát tiết trùng bằng hơi nước 2 thông số	- Test thử nhiệt độ gói hấp có kích thước 1,5cm x 20cm ± 5%. Test thử nhiệt độ gói hấp (Que giấy chỉ thị hóa học 02 thông số: thời gian, nhiệt độ).	Test	31.000
65	A232	Test hóa học kiểm soát tiết trùng bằng hơi nước 3 thông số	- Test thử áp suất gói hấp có kích thước 5cm x 1,9cm ± 5%. Test thử áp suất gói hấp (Chỉ thị hóa học 03 thông số: thời gian, nhiệt độ, áp suất hơi nước).	Miếng	151.900
66	A233	Test thử khô mắt (Schirmer test)		Hộp/100	24
67	A234	Test thử máy hấp ướt nhiệt độ cao		Gói	800
68	A238	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn 200mm x 70m	- Túi ép 200mm x 70m ± 5% dùng cho máy hấp Sterrad Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene tỷ trọng cao. - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Có chỉ thị hóa học màu đỏ trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. - Rộng : 200 mm ± 5%, dài : 70 m ± 5%.	Cuộn	30
69	A239	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn 100mm x 70m	Túi ép 100mm x 70m ± 5% dùng cho máy hấp Sterrad Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene tỷ trọng cao. - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Có chỉ thị hóa học màu đỏ trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. - Rộng : 100 mm ± 5%, dài : 70 m ± 5%	Cuộn	7
70	A240	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn 250mm x 70m	- Túi ép 250mm x 70m ± 5% dùng cho máy hấp Sterrad Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene tỷ trọng cao. - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Có chỉ thị hóa học màu đỏ trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. - Rộng : 250 mm ± 5%, dài : 70 m ± 5%.	Cuộn	25
71	A241	Túi ép phẳng 200mm x 100m	- Túi ép phẳng 200mmx28mmx100m ± 5% - Kích thước: 200mmx28mmx100m ± 5% - Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, 21 độ C đến 140 độ C và nhiệt độ hấp khí EtO 29 độ C đến 65 độ C - Trọng lượng: Giấy y tế là 60 g/cm ² và độ dày màng flim là 52µm - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiết trùng bằng khí EO, chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiết trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121 độ C-134 độ C	Cuộn	156

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
72	A242	Túi ép phẳng 350mm x 100m	- Túi ép phẳng 350mmx28mmx100m ± 5% - Kích thước: 350mmx28mmx100m ± 5% - Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không xơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, 21 độ C đến 140 độ C và nhiệt độ hấp khí EtO 29 độ C đến 65 độ C - Trọng lượng: Giấy y tế là 60 g/cm2 và độ dày màng flim là 52µm - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiết trùng bằng khí EO, chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiết trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121 độ C-134 độ C	Cuộn	5
73	A249	Viên khử khuẩn		Viên	16.400
74	A251	Vít Titan 1,5x4mm	Vít Titan 1,5x4mm	Cái	900
75	A260	Chất nhầy dùng cho chẩn đoán hình	- Chất nhầy Sodium Hyaluronate từ 1.4% đến 1.8%, trọng lượng phân tử thấp từ 1.100.000daltons đến 3.000.000daltons, độ nhầy (viscosity): từ ≥ 30.000 đến ≤ 160.000 mPas	Hộp	5.000
76	A432	Gạc tẩm cồn 3 x 3 cm 2 lớp	- Kích thước gạc: 3 x 3 cm x 2 lớp. - Làm bằng vải không dệt. - Tẩm cồn IsoPropyl 70%. - Dùng sát trùng ngoài da.	Miếng	360
77	A441	Kim lancet	- Thân kim nhỏ, đầu nhọn để lấy máu dễ dàng và hầu như không đau. - Kim được tiệt trùng 100%. - Thiết kế phù hợp với hầu hết các thiết bị.	Hộp	63.000
78	A442	Dây Garot	- Dây garo chun (10 dây/bịch) được làm từ thun cotton, có gai dán.	Cái	1.200
79	A445	Bộ hút dịch tương thích máy Constellation	Bộ hút dịch tương thích máy Constellation	cái	10
80	A448	Bộ tưới hút nhiều lần tương thích Visalis 100	Bộ tưới hút nhiều lần tương thích Visalis 100	cái	10
81	A449	Bóng bóp gây mê các số	- Bóng bóp Silicon dùng để bóp tay dùng cho máy gây mê. - Có 4 cỡ để lựa chọn: 500ml, 1000ml, 2000ml, 3000ml.	cái	270
82	A450	Cassette 23G tương thích máy Constellation	Cassette 23G tương thích máy Constellation	Cái	550
83	A451	Cassette 25G tương thích máy Constellation	Cassette 25G tương thích máy Constellation	Cái	50
84	A456	Dao Trocar có van 23G tương thích máy Constellation	Dao Trocar có van 23G tương thích máy Constellation	Cái	500
85	A457	Dao Trocar có van 25G tương thích máy Constellation	Dao Trocar có van 25G tương thích máy Constellation	Cái	100
86	A458	Đầu đốt điện 23G tương thích máy Constellation	Đầu đốt điện 23G tương thích máy Constellation	hộp	80
87	A459	Đầu đốt điện 23G tương thích Stellaris Elite	Đầu đốt điện 23G tương thích Stellaris Elite	hộp	160
88	A460	Đầu đốt điện 25G tương thích máy Constellation	Đầu đốt điện 25G tương thích máy Constellation	hộp	20
89	A461	Đầu đốt điện 25G tương thích Stellaris Elite	Đầu đốt điện 25G tương thích Stellaris Elite	hộp	20
90	A462	Đầu đốt lưỡng cực tương thích máy Visalis	Đầu đốt lưỡng cực tương thích máy Visalis	cái	10
91	A463	Đầu laser nội nhãn dùng trong quang đông võng mạc loại thẳng	Đầu laser nội nhãn dùng trong quang đông võng mạc loại thẳng tương thích với máy Zeiss Visulas 532S VITE.	Cái	300
92	A464	Đầu laser nội nhãn loại cong tương thích máy Constellation	Đầu laser nội nhãn loại cong tương thích máy Constellation	Cái	50

STT	Mã	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	SL ĐTRR năm 2021
93	A465	Dầu laser nội nhãn loại thẳng tương thích máy Constellation	Dầu laser nội nhãn loại thẳng tương thích máy Constellation	Cái	350
94	A466	Dây cáp đốt điện tương thích máy Constellation	Dây cáp đốt điện tương thích máy Constellation	sợi	10
95	A467	Dây đèn nội nhãn tương thích máy Constellation	Dây đèn nội nhãn tương thích máy Constellation	cái	100
96	A468	Dây nối đầu đốt lưỡng cực	Dây nối đầu đốt lưỡng cực tương thích với máy Stellaris Elite.	sợi	10
97	A469	Đèn xenon tương thích máy Constellation	Đèn xenon tương thích máy Constellation	cái	3
98	A470	Đèn xenon tương thích máy Stellaris Elite	Đèn xenon tương thích máy Stellaris Elite	cái	3
99	A474	Kéo cong 23G	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước sản phẩm: - Dài: 130mm - Chiều rộng: 13mm Trọng lượng: 23g	Cái	200
100	A475	Kính áp tròng (cận thị)- Điều trị ban đêm	Chất liệu: Silicone cứng Chỉ số thấm khí: DK: ≥ 156 Chỉ số truyền sáng: $\geq 93.5\%$ Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.431 Đường kính: ≥ 10.00 mm Đầy điều trị: -6.00 đến -0,75 Diop. Loạn thị: -1.00 đến 0 Diop	miếng	60
101	A476	Kính áp tròng chỉnh hình giác mạc điều trị tật khúc xạ	- Chất liệu: fluorosilicone acrylate polymer. Chỉ số thấm khí: $DK \geq 100$. Dầy điều trị: Từ -10.00 đến -0,75 Diop. Loạn Thị : từ -1.50 đến 0 Diop. Đường kính của kính: từ 10.6mm đến 10.8mm	miếng	80
102	A477	Kính áp tròng chỉnh hình giác mạc điều trị tật khúc xạ loạn thị cao	- Chất liệu: fluorosilicone acrylate polymer. Chỉ số thấm khí: $DK \geq 100$. Dầy điều trị: Từ -10.00 đến -0,75 Diop. Loạn Thị : từ -4.00 đến -1.5 Diop. Điều kiện sử dụng: K1 # K2 ≥ 0.75 Diop. Đường kính của kính: từ 10.4mm đến 11.4mm	miếng	10
103	A480	Nhiệt kế đo trán và tai	- Đo nhiệt độ trán, nhiệt độ tai, nhiệt độ phòng, bề mặt chất lỏng chính xác và nhanh chóng. - Chế độ đo nhiệt độ phòng, nhiệt độ bề mặt chất lỏng: 0oC - 100oC - Khoảng đo: tai/trán: 34 - 43oC. - Cảnh báo sốt bằng đèn LED. - Công nghệ hồng ngoại, tích hợp sensor cảm biến với độ nhạy cao. - Bộ nhớ lưu được 10 kết quả gần nhất. - Đa chức năng sử dụng (cho người và đồ vật). - Theo dõi ánh sáng phát ra, điều chỉnh khu vực đo.	Cái	20

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN MẮT
Nguyễn Trí Dũng

